

Số: /TB-UBND

Xã Tuệ Tỉnh, ngày tháng 8 năm 2025

THÔNG BÁO

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện
không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi thành phố
thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo**

Thực hiện Quyết định số 3326/QĐ-UBND ngày 17/8/2025 của UBND thành phố Hải Phòng về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi thành phố thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo.

UBND xã Tuệ Tỉnh thông báo công khai danh mục thủ tục hành chính theo Quyết định số 3326/QĐ-UBND ngày 17/8/2025 của UBND thành phố Hải Phòng tại Trung tâm phục vụ hành chính công và đồng thời đăng tải trên Cổng thông tin điện tử xã tại địa chỉ: <https://tuetinh.haiphong.gov.vn> (Có danh mục thủ tục hành chính kèm theo)

UBND xã Tuệ Tỉnh thông báo đề các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, cá nhân có liên quan được biết và thực hiện.

Nơi nhận:

- UBND thành phố (để b/c);
- TT Đảng ủy, TT HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND Xã;
- Phòng Văn hóa – Xã hội;
- VP HĐND-UBND;
- TT PVHCC; TT Văn hóa TT&TT;
- Cổng thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT, TT PV HCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Ngô Thanh Tùng

Phụ lục 1

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN
KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM
VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO**

(Kèm theo Thông báo số : /TB-UBND ngày của UBND xã Tuệ Tĩnh)

STT	Mã Thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính
I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH		
1.1. LĨNH VỰC CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC KHÁC		
1.	1.005061	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học
2.	3.000302	Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục
3.	3.000303	Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục trở lại
4.	3.000297	Cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao hoạt động giáo dục
5.	3.000298	Cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao hoạt động giáo dục trở lại
6.	1.005008	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục
7.	1.004988	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động trở lại
8.	2.001987	Đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trở lại
9.	3.000305	Giải thể trường dành cho người khuyết tật (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)

10.	3.000300	Giải thể trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)
11.	3.000304	Sáp nhập, chia, tách trường dành cho người khuyết tật
12.	3.000299	Sáp nhập, chia, tách trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao
13.	3.000306	Thành lập hoặc cho phép thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường trung học phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông
14.	3.000301	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường dành cho người khuyết tật
15.	1.012960	Điều chỉnh, bổ sung, gia hạn giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học
16.	1.004991	Giải thể trường trung học phổ thông chuyên
17.	1.004999	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông chuyên
18.	1.012959	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao
19.	1.012958	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên
1.2. LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP		
20.	1.013760	Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

21.	1.013762	Cho phép chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
22.	1.013763	Cho phép đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
23.	1.013761	Cho phép giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
24.	1.013759	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp cho người khuyết tật, phân hiệu của trường trung cấp tư thực
25.	1.013765	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận
26.	1.013764	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;
27.	1.010927	Thành lập phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp tư thực trên địa bàn
28.	1.010928	Chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài của trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp
29.	2.000632	Công nhận giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực
30.	1.010595	Công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thực
31.	1.000482	Công nhận trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận
32.	1.000138	Chia, tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

33.	1.000154	Cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài
34.	1.000509	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tự thực hoạt động không vì lợi nhuận
35.	1.000530	Đổi tên trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
36.	1.000553	Giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài
37.	1.000159	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn và cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam
38.	2.000130	Thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam
39.	1.010596	Thôi công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tự thực
40.	1.000389	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp
41.	2.000189	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp
42.	1.000167	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp
43.	1.010593	Công nhận hội đồng quản trị trường trung cấp tự thực
44.	1.010594	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng quản trị trường trung cấp tự thực; chấm dứt hoạt động hội đồng quản trị

1.3. LĨNH VỰC GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

45.	1.013751	Cho phép thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp giáo dục thường xuyên tư thực
46.	1.013755	Cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực
47.	1.013752	Cho phép trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp giáo dục thường xuyên tư thực hoạt động trở lại
48.	1.013756	Cho phép trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực hoạt động trở lại
49.	3.000316	Cho phép trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên hoạt động trở lại
50.	1.013754	Giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp giáo dục thường xuyên tư thực
51.	1.013758	Giải thể trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập)
52.	1.012988	Giải thể trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên (theo đề nghị của cá nhân tổ chức thành lập trung tâm)
53.	1.013753	Sáp nhập, chia, tách trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp giáo dục thường xuyên tư thực
54.	1.013757	Sáp nhập, chia, tách trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực
55.	3.000317	Sáp nhập, chia, tách trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên

56.	3.000315	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên
1.4. LĨNH VỰC GIÁO DỤC TRUNG HỌC		
57.	1.012953	Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục
58.	1.012954	Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục trở lại
59.	2.002478	Chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông
60.	1.012956	Giải thể trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)
61.	1.012955	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông
62.	2.002480	Tiếp nhận học sinh trung học phổ thông người nước ngoài.
63.	2.002479	Tiếp nhận học sinh trung học phổ thông Việt Nam về nước.
64.	1.012944	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông
65.	1.001088	Xin học lại tại trường khác đối với học sinh trung học
1.5. LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN		

66.	1.001714	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục
67.	1.000288	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia
68.	1.000280	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia
69.	1.000691	Công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia
70.	2.002593	Đề nghị đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp tỉnh
71.	1.005144	Đề nghị miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí đối với người học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học
72.	1.002982	Hỗ trợ học tập đối với học sinh trung học phổ thông các dân tộc thiểu số rất ít người
73.	1.005143	Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài
74.	2.002756	Thông báo đủ điều kiện tổ chức đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số
75.	1.000729	xếp hạng Trung tâm giáo dục thường xuyên
76.	1.002407	Xét, cấp học bổng chính sách
1.6. LĨNH VỰC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VỚI NƯỚC NGOÀI		

77.	1.000718	Bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với: cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam
78.	1.001493	Chấm dứt hoạt động cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam
79.	1.001496	Chấm dứt hoạt động liên kết giáo dục theo đề nghị của các bên liên kết
80.	1.006446	Cho phép hoạt động giáo dục đối với: Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam
81.	1.001495	Cho phép hoạt động giáo dục trở lại đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam
82.	1.000939	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam
83.	1.008722	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận
84.	1.001492	Đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam
85.	1.001497	Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết giáo dục
86.	1.013767	Giải thể, chấm dứt cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ thành lập
87.	1.001499	Phê duyệt liên kết giáo dục
88.	1.001501	Chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài thành lập văn phòng đại diện

89.	2.000545	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ
90.	1.008720	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang cơ sở giáo dục mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận
91.	1.008721	Chuyển đổi cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận
92.	1.008723	Chuyển đổi trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư; cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận
93.	1.000716	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam
94.	2.000729	Phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài
95.	2.000680	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn Quyết định thành lập Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam
96.	2.000451	Thành lập văn phòng đại diện của cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam

1.7. LĨNH VỰC VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ

97.	3.000465	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (tại cấp tỉnh)
98.	1.004889	Công nhận bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam
99.	3.00466	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (tại cấp tỉnh)

1.8. LĨNH VỰC KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

100.	1.000715	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục
101.	1.000713	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục
102.	1.000711	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục
103.	1.000259	Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trung tâm giáo dục thường xuyên

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1.1. LĨNH VỰC CƠ SỞ GIÁO DỤC KHÁC

1.	1.012975	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học
2.	1.012971	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập
3.	1.012972	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại
4.	1.012973	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập
5.	1.012974	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)
6.	3.000309	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở

1.2. LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN		
7.	1.005143	Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài
8.	1.002407	Xét, cấp học bổng chính sách
9.	1.001714	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục
10.	1.008724	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận
11.	1.008725	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận
12.	1.008951	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp
13.	1.000691	Công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia
14.	1.000288	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia
15.	1.000280	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia
1.3. LĨNH VỰC GIÁO DỤC TRUNG HỌC		
16.	2.002481	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở

17.	1.012964	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở
18.	1.012965	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục
19.	1.012966	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại
20.	1.012967	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở
21.	1.012968	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)
22.	2.002482	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước.
23.	1.002483	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài.
24.	2.001960	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài

1.4. LĨNH VỰC GIÁO DỤC MẦM NON

25.	1.012961	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ
26.	1.006390	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục
27.	1.006444	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại

28.	1.006445	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ
29.	1.012962	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường)
1.5. LĨNH VỰC GIÁO DỤC TIỂU HỌC		
30.	1.012963	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học
31.	2.001842	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục
32.	1.004552	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại
33.	1.004563	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học
34.	1.001639	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)
1.5. LĨNH VỰC GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN		
35.	1.012969	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng
36.	1.012970	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại
37.	3.000307	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng

38.	3.000308	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)
1.6. LĨNH VỰC HỆ THỐNG VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ		
39.	3.000467	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (tại cấp xã)
40.	3.000468	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (tại cấp xã)